TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/01/2024
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DNH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Thu
2. Bà Mai Thị Thu TrNg

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Hoa Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973
Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.
- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1970
Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2023, bản tự khai ngày 25/10/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Quang T chung sống với nhau năm 1999, năm 2000 đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông T thường xuyên uống rượu, đe dọa chém giết bà N, bà N đã rời khỏi nhà đi làm ăn xa. Nay nhận thấy vợ chồng không hòa hợp nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Quang T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 22/8/2000 và cháu Nguyễn Thu Y, sinh ngày 25/4/2007. Hai cháu khỏe mạnh, bình thường, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần. Cháu T đã trưởng thành, đã lập gia đình nên bà N không yêu cầu Tòa

án giải quyết. Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Y, không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

Về chia tài sản khi ly hôn, nợ: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2023, bị đơn ông Nguyễn Quang T trình bày:*

Ông T và bà N tự nguyện tìm hiểu, chung sống từ năm 1999, đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 19/12/2000. Khoảng tháng 8 năm 2022, ông T phát hiện bà N nhắn tin với người đàn ông khác nên vợ chồng cãi nhau, ông T thường xuyên uống rượu say về mắng chửi bà N và dọa đánh bà N. Đến tháng 8 năm 2023 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, ông T đã ít uống rượu hơn trước và nhiều lần gọi điện khuyên bà N về sống chung để cho con cái có bố mẹ đầy đủ nhưng bà N không đồng ý. Nay bà N yêu cầu ly hôn ông T không đồng ý vì còn tình cảm với bà N.

Ông T và bà N có 02 con chung như bà N đã trình bày. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì ông T đồng ý giao bà N nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thu Y, sinh ngày 25/4/2007, ông T cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/tháng. Cháu Nguyễn Thanh T đã thành niên nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản khi ly hôn, nợ: ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn bà Nguyễn Thị N cung cấp:*

Đơn khởi kiện; Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; giấy khai sinh con bản photo; bản sao căn cước công dân, Sổ hộ khẩu, bản tự khai.

** Tài liệu,chứng cứ của bị đơn ông Nguyễn Quang T đã nộp Tòa án:* bản photo căn cước công dân; bản chụp màn hình nội dung tin nhắn của bà N.

** Các tài liệu,chứng cứ do Tòa án thu thập:* Biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Quang T.

* Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Quang T; giao ông Nguyễn Quang T nuôi con chung Nguyễn Thu Y, bà N cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng/tháng. Ông Nguyễn Quang T không đồng ý ly hôn, nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông nuôi con chung Nguyễn Thu Y.

* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa:

Việc thụ lý vụ án cũng như quá trình giải quyết vụ án, xét xử tại phiên tòa, Tòa án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình.

Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; bà N được ly hôn ông T; giao ông T nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, bà N cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng/ tháng; các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét; bà N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án "Ly hôn" giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, bị đơn ông Nguyễn Quang T – đều trú tại Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Quang T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau năm 1999, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã R (nay là huyện C), tỉnh Khánh Hòa tại Giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyển số 1/2000 ngày 19/12/2000 nên được công nhận hôn nhân hợp pháp. Đến năm 2022 bà N và ông T đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bà N có tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng cãi nhau, ông N thường xuyên uống rượu say về mắng chửi và đe dọa hành hung bà N. Đến tháng 8 năm 2023 bà N và ông T mâu thuẫn trầm trọng nên đã sống ly thân cho đến nay. Mặc dù ông T còn yêu thương bà N, giảm uống rượu, nhiều lần liên lạc khuyên bà N về tiếp tục chung sống cùng chăm lo nuôi dưỡng con cái nhưng bà N không đồng ý.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không hòa giải được, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Quang T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung:

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Quang T có hai con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 22/8/2000 và cháu Nguyễn Thu Y, sinh ngày 25/4/2007. Hai cháu khỏe mạnh, bình thường, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần. Cháu T đã trưởng thành, đã lập gia đình, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Nguyễn Thu Y, sinh ngày 25/4/2007 hiện nay đang ở với ông T, cháu có nguyện vọng được sống cùng cha là ông T. Tại phiên tòa, bà N và ông T thống nhất giao ông T trực tiếp nuôi cháu Y, bà N cấp dưỡng cho con cho con 2.000.000 đồng/tháng. Yêu cầu của các đương sự về nuôi con, cấp dưỡng cho con phù hợp quy định tại Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Quang T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về "Ly hôn" và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về "Cấp dưỡng cho con".

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy bN thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Nguyễn Quang T.

2. Về con chung:

Giao ông Nguyễn Quang T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thu Y, sinh ngày 25/4/2007. Bà Nguyễn Thị N cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 02 năm 2024 đến khi con đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Quang T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về "Ly hôn" và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về "Cấp dưỡng cho con", nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí "Ly hôn" đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0002286 ngày 18/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Bà N còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về "Cấp dưỡng cho con".

Quy định: Kể từ ngày ông Nguyễn Quang T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị N chưa thi hành số tiền cấp dưỡng cho con thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời giN chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thu Hằng